

Số: 124 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2019

## KẾ HOẠCH

### **Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều và hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Thực hiện Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và các thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Thông tư số 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/3/2016 về hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 về hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016,

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2019, như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### 1. Mục đích:

Xác định danh sách biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của mỗi địa bàn trong tỉnh; thống kê, phân tích thông tin hộ nghèo theo thu nhập, hộ nghèo thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và hộ cận nghèo để làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội.

Xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình làm cơ sở để ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế.

Cập nhật cơ sở dữ liệu phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo của mỗi địa phương để theo dõi và quản lý thống nhất toàn tỉnh.

#### 2. Yêu cầu:

Công tác rà soát thực hiện đúng phương pháp, quy trình, bảo đảm tính dân chủ, công khai, công bằng, có sự tham gia của người dân nhằm xác định đúng đối tượng, phản ánh đúng thực trạng đời sống của người dân địa phương; cập nhật cơ sở dữ liệu phần mềm quản lý hộ nghèo, cận nghèo trên toàn tỉnh.

### **II. NỘI DUNG**

#### 1. Đối tượng, phạm vi và thời điểm rà soát:



### 1.1. Đối tượng, phạm vi rà soát:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo: Là hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo trong danh sách đã được rà soát cuối năm 2018; những hộ có khả năng nghèo hoặc cận nghèo mới phát sinh từ tháng 11/2018 đến tháng 9/2019 do địa phương phát hiện hoặc hộ gia đình tự đăng ký.

- Hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình đang sinh sống trên địa bàn tỉnh.

### 1.2. Thời điểm rà soát:

- Rà soát định kỳ: Từ ngày 01/11/2018 đến 01/9/2019.

- Rà soát thường xuyên: Từ thời điểm sau rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2019 đến trước rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2020.

## 2. Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020:

### 2.1. Hộ nghèo:

- Thành thị: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 900.000 đồng trở xuống; hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 901.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản từ 30 điểm trở lên.

- Nông thôn: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 700.000 đồng trở xuống; hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 701.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản từ 30 điểm trở lên.

### 2.2. Hộ cận nghèo:

- Thành thị: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 901.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản dưới 30 điểm.

- Nông thôn: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 701.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản dưới 30 điểm.

3. Chuẩn hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình:

- Thành thị: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.300.000 đồng đến 1.950.000 đồng.

- Nông thôn: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

## 4. Phương pháp rà soát:

Thực hiện rà soát thông qua các phương pháp đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình để ước lượng thu nhập (trên cơ sở phân tích kết quả thống kê và điều tra mức sống hộ gia đình, thực hiện quy đổi từ mức thu nhập bình quân đầu người trên tháng sang các mức điểm số tương ứng khi thực hiện rà soát và đánh giá tài sản, cụ thể: 700.000 đồng tương đương 120 điểm; 900.000 đồng tương đương 140 điểm; 1.000.000 đồng

tương đương 150 điểm; 1.300.000 đồng tương đương 175 điểm) và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy trình tại Chương II và Phụ lục số 1a, 1b, 2a, 2b, 2c, 2d, 2đ, 2e, 3a, 3b, 3c, 3d, 4 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018.

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy trình hướng dẫn tại Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 (*Hệ thống mẫu, biểu báo cáo ban hành kèm theo Thông tư*).

- Rà soát hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình theo Thông tư số 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/3/2016 (*Hệ thống mẫu, biểu báo cáo ban hành kèm theo Thông tư*).

#### 5. Thời gian tiến hành rà soát:

- Cấp tỉnh tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách giảm nghèo cấp huyện; cấp huyện triển khai tập huấn rà soát cấp xã, thị trấn, ấp, khu phố và điều tra viên trong tháng 8/2019.

- Từ ngày 03/9 đến 22/9/2019 điều tra viên tiến hành rà soát theo phiếu.

- Từ ngày 23/9/2019 đến 11/10/2019 các ấp, khu phố tổ chức họp thống nhất ý kiến kết quả đánh giá, chấm điểm theo mẫu Phiếu B đối với các hộ trong danh sách rà soát.

- Từ ngày 12/10/2019 đến 18/10/2019 các xã tổng hợp, báo cáo kết quả ở ấp, khu phố gửi về UBND các huyện, thành phố theo biểu tổng hợp.

- Chậm nhất đến ngày 31/10/2019, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tham mưu cho UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả tổng hợp theo các loại biểu mẫu đã hướng dẫn (kể cả kết quả hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình).

- Từ ngày 01/11/2019 đến 15/11/2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo kết quả số liệu và phân tích trình UBND tỉnh phê duyệt, công bố số liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh.

#### 6. Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2019 chi từ kinh phí sự nghiệp được UBND tỉnh phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dự toán đầu năm. UBND cấp huyện, cấp xã bổ sung thêm kinh phí để hỗ trợ thực hiện công tác rà soát tại địa phương.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Cơ quan Thường trực chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách giảm nghèo cấp huyện.

- Theo dõi, đôn đốc UBND cấp huyện chỉ đạo thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo đúng quy trình và thời gian quy định.

- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp huyện trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Tổng hợp, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn; báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, công nhận (đối với rà soát định kỳ).

- Tổng hợp số lượng, danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm báo cáo cho UBND tỉnh (đối với rà soát thường xuyên).

- Tổng hợp số người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình của các huyện, thành phố làm cơ sở lập dự toán kinh phí hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế trình UBND tỉnh.

- Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện tổ chức thực hiện cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thanh tra, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện Kế hoạch này.

## 2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Xây dựng và phê duyệt kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình hằng năm trên địa bàn quản lý.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng trực tiếp tham gia rà soát và các giám sát viên.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp xã thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn theo đúng quy trình và thời gian quy định.

- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình của cấp xã trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn để báo cáo cho UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Tổng hợp số người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để lập dự toán kinh phí hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế.

- Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức thực hiện cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào file Excel và chuyển về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để cập nhật vào phần mềm quản lý.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội chỉ đạo phối hợp chặt chẽ với UBND cùng cấp trong tổ chức triển khai, giám sát và phản biện việc thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình đạt kết quả tốt.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này. Trong đó, thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều và hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2019 tại địa phương phải đảm bảo chính xác, công khai, dân chủ, minh bạch và kịp thời, đúng tiến độ; quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tổng cục Thống kê;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (Đảng, chính quyền, đoàn thể);
- Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP và CVNC;
- Lưu: VT, tthuy.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Thanh Bình**